

Số: 767/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 12 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu phân bổ kinh phí  
không tự chủ chế độ cho học sinh học kỳ II năm học 2022-2023**

**TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 765/QĐ-PGDĐT ngày 12/5/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên về việc phân bổ kinh phí không tự chủ chế độ cho học sinh học kỳ II năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc công khai số liệu phân bổ kinh phí không tự chủ chế độ cho học sinh học kỳ II năm học 2022-2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu phân bổ kinh phí không tự chủ chế độ cho học sinh học kỳ II năm học 2022-2023.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các bộ phận công tác của Phòng Giáo dục và Đào tạo có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

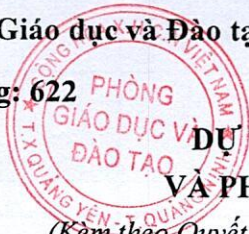
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để t/h);
- Phòng TC-KH, KBNN;
- Lưu: VT, KT (02).

**TRƯỞNG PHÒNG**  


**Nguyễn Thị Thuý**

Chương: 622



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO  
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NGÀY 12/5/2023**

(Kèm theo Quyết định số 767/QĐ-PGDĐT ngày 12/5/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

(Đơn vị tính: đồng)

| TT        | Trường                    | Mã số quan<br>hệ ngân sách | Chương | Mã ngành<br>kinh tế | Mã nguồn<br>kinh phí | Kinh phí phân<br>bố  |
|-----------|---------------------------|----------------------------|--------|---------------------|----------------------|----------------------|
| 1         | 2                         | 3                          | 4      | 5                   | 6                    | 7                    |
|           | <b>TỔNG CỘNG</b>          |                            |        |                     |                      | <b>1.083.480.000</b> |
| <b>I</b>  | <b>Khối mầm non</b>       |                            |        |                     |                      | <b>244.510.000</b>   |
| 1         | Trường Mầm non Cộng Hòa   | 1105749                    | 622    | 071                 | 12                   | 4.600.000            |
| 2         | Trường Mầm non Hà An      | 1105742                    | 622    | 071                 | 12                   | 9.250.000            |
| 3         | Trường Mầm non Hoàng Tân  | 1105733                    | 622    | 071                 | 12                   | 5.650.000            |
| 4         | Trường Mầm non Minh Thành | 1105730                    | 622    | 071                 | 12                   | 9.950.000            |
| 5         | Trường Mầm non Liên Vị    | 1105736                    | 622    | 071                 | 12                   | 19.000.000           |
| 6         | Trường Mầm non Phong Cốc  | 1105745                    | 622    | 071                 | 12                   | 3.050.000            |
| 7         | Trường Mầm non Phong Hải  | 1105739                    | 622    | 071                 | 12                   | 24.345.000           |
| 8         | Trường Mầm non Tiên An    | 1105738                    | 622    | 071                 | 12                   | 18.340.000           |
| 9         | Trường Mầm non Yên Giang  | 1105732                    | 622    | 071                 | 12                   | 1.550.000            |
| 10        | Trường Mầm non Đông Mai   | 1105740                    | 622    | 071                 | 12                   | 12.200.000           |
| 11        | Trường Mầm non Cẩm La     | 1105743                    | 622    | 071                 | 12                   | 6.645.000            |
| 12        | Trường Mầm non Hiệp Hòa   | 1105735                    | 622    | 071                 | 12                   | 34.240.000           |
| 13        | Trường Mầm non Liên Hòa   | 1105746                    | 622    | 071                 | 12                   | 25.160.000           |
| 14        | Trường Mầm non Nam Hòa    | 1105741                    | 622    | 071                 | 12                   | 800.000              |
| 15        | Trường Mầm non Sông Khoai | 1105731                    | 622    | 071                 | 12                   | 17.950.000           |
| 16        | Trường Mầm non Tân An     | 1105737                    | 622    | 071                 | 12                   | 25.840.000           |
| 17        | Trường Mầm non Tiên Phong | 1105748                    | 622    | 071                 | 12                   | 12.245.000           |
| 18        | Trường Mầm non Yên Hải    | 1105747                    | 622    | 071                 | 12                   | 10.595.000           |
| 19        | Trường Mầm non Hoa Hồng   | 1105734                    | 622    | 071                 | 12                   | 3.100.000            |
| <b>II</b> | <b>Khối tiểu học</b>      |                            |        |                     |                      | <b>347.410.000</b>   |
| 1         | Trường Tiểu học Liên Vị   | 1026583                    | 622    | 072                 | 12                   | 43.830.000           |
| 2         | Trường Tiểu học Hà An     | 1026585                    | 622    | 072                 | 12                   | 14.250.000           |
| 3         | Trường Tiểu học Ngô Quyền | 1025848                    | 622    | 072                 | 12                   | 8.250.000            |
| 4         | Trường Tiểu học Phong Cốc | 1025850                    | 622    | 072                 | 12                   | 6.750.000            |

| TT         | Trường                                  | Mã số quan<br>hệ ngân sách | Chương | Mã ngành<br>kinh tế | Mã nguồn<br>kinh phí | Kinh phí phân<br>bổ |
|------------|-----------------------------------------|----------------------------|--------|---------------------|----------------------|---------------------|
| 1          | 2                                       | 3                          | 4      | 5                   | 6                    | 7                   |
| 5          | Trường Tiểu học Sông Khoai 1            | 1027579                    | 622    | 072                 | 12                   | 24.000.000          |
| 6          | Trường Tiểu học Liên Hòa                | 1026582                    | 622    | 072                 | 12                   | 29.250.000          |
| 7          | Trường Tiểu học Minh Thành              | 1025853                    | 622    | 072                 | 12                   | 18.450.000          |
| 8          | Trường Tiểu học Hiệp Hòa                | 1025852                    | 622    | 072                 | 12                   | 50.170.000          |
| 9          | Trường Tiểu học Nguyễn Bình             | 1025844                    | 622    | 072                 | 12                   | 6.750.000           |
| 10         | Trường Tiểu học Nam Hòa                 | 1026586                    | 622    | 072                 | 12                   | 13.460.000          |
| 11         | Trường Tiểu học Yên Giang               | 1026580                    | 622    | 072                 | 12                   | 1.500.000           |
| 12         | Trường Tiểu học Tiên An                 | 1025847                    | 622    | 072                 | 12                   | 38.020.000          |
| 13         | Trường Tiểu học Tân An                  | 1025845                    | 622    | 072                 | 12                   | 17.960.000          |
| 14         | Trường Tiểu học Đông Mai                | 1026581                    | 622    | 072                 | 12                   | 23.210.000          |
| 15         | Trường Tiểu học Phong Hải               | 1025851                    | 622    | 072                 | 12                   | 29.960.000          |
| 16         | Trường Tiểu học Yên Hải                 | 1026584                    | 622    | 072                 | 12                   | 10.500.000          |
| 17         | Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thuận        | 1026579                    | 622    | 072                 | 12                   | 11.100.000          |
| <b>III</b> | <b>Khối Trung học cơ sở</b>             |                            |        |                     |                      | <b>421.840.000</b>  |
| 1          | Trường THCS Đông Mai                    | 1027586                    | 622    | 073                 | 12                   | 8.250.000           |
| 2          | Trường THCS Trần Hưng Đạo               | 1027582                    | 622    | 073                 | 12                   | 21.000.000          |
| 3          | Trường THCS Phong Cốc                   | 1027585                    | 622    | 073                 | 12                   | 19.500.000          |
| 4          | Trường THCS Tiên An                     | 1025843                    | 622    | 073                 | 12                   | 51.880.000          |
| 5          | Trường THCS Cộng Hòa                    | 1025849                    | 622    | 073                 | 12                   | 23.250.000          |
| 6          | Trường THCS Phong Hải                   | 1025838                    | 622    | 073                 | 12                   | 45.000.000          |
| 7          | Trường THCS Hà An                       | 1027590                    | 622    | 073                 | 12                   | 15.000.000          |
| 8          | Trường THCS Nam Hòa                     | 1027587                    | 622    | 073                 | 12                   | 12.750.000          |
| 9          | Trường THCS Lê Quý Đôn                  | 1027583                    | 622    | 073                 | 12                   | 4.500.000           |
| 10         | Trường THCS Hiệp Hòa                    | 1027584                    | 622    | 073                 | 12                   | 46.710.000          |
| 11         | Trường THCS Sông Khoai                  | 1025841                    | 622    | 073                 | 12                   | 14.500.000          |
| 12         | Trường THCS Minh Thành                  | 1027588                    | 622    | 073                 | 12                   | 29.250.000          |
| 13         | Trường THCS Liên Hòa                    | 1027589                    | 622    | 073                 | 12                   | 40.500.000          |
| 14         | Trường THCS Liên Vị                     | 1025839                    | 622    | 073                 | 12                   | 32.000.000          |
| 15         | Trường THCS Tân An                      | 1027591                    | 622    | 073                 | 12                   | 28.500.000          |
| 16         | Trường THCS Yên Hải                     | 1025842                    | 622    | 073                 | 12                   | 29.250.000          |
| <b>IV</b>  | <b>Khối Tiểu học và Trung học cơ sở</b> |                            |        |                     |                      | <b>69.720.000</b>   |
| 1          | Trường TH&THCS Tiên Phong               |                            |        |                     |                      |                     |
|            | Trường TH Tiên Phong                    | 1027578                    | 622    | 072                 | 12                   | 6.750.000           |



| TT |                           | Mã số quan<br>hệ ngân sách | Chương | Mã ngành<br>kinh tế | Mã nguồn<br>kinh phí | Kinh phí phân<br>bổ |
|----|---------------------------|----------------------------|--------|---------------------|----------------------|---------------------|
| 1  |                           | 3                          | 4      | 5                   | 6                    | 7                   |
|    | Trường THCS Tiên Phong    | 1027578                    | 622    | 073                 | 12                   | 6.500.000           |
| 2  | Trường TH&THCS Cẩm La     |                            |        |                     |                      |                     |
|    | Trường TH Cẩm La          | 1130336                    | 622    | 072                 | 12                   | 14.210.000          |
|    | Trường THCS Cẩm La        | 1130336                    | 622    | 073                 | 12                   | 8.250.000           |
| 3  | Trường TH&THCS Sông Khoai |                            |        |                     |                      |                     |
|    | Trường TH Sông Khoai      | 1130337                    | 622    | 072                 | 12                   | 18.560.000          |
|    | Trường THCS Sông Khoai    | 1130337                    | 622    | 073                 | 12                   | 2.450.000           |
| 4  | Trường TH&THCS Hoàng Tân  |                            |        |                     |                      |                     |
|    | Trường TH Hoàng Tân       | 1131212                    | 622    | 072                 | 12                   | 6.000.000           |
|    | Trường THCS Hoàng Tân     | 1131212                    | 622    | 073                 | 12                   | 7.000.000           |

Số: 765/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 12 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phân bổ kinh phí không tự chủ chế độ cho học sinh**  
**Học kỳ II năm học 2022-2023**

**TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN**

Căn cứ Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 8368/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2023;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc phân bổ kinh phí không tự chủ chế độ cho học sinh học kỳ II năm học 2022-2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ kinh phí không tự chủ chế độ cho học sinh học kỳ II năm học 2022-2023 cho các đơn vị trường học sử dụng ngân sách trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã, tổng kinh phí: 1.083.480.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

**Điều 2.** Căn cứ kinh phí dự toán chi ngân sách năm 2023 được phân bổ, các trường tổ chức thực hiện sử dụng kinh phí đúng mục đích đảm bảo hiệu quả và thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (T/h);
- Phòng TC-KH, KBNN;
- Lưu: VT, KT (02)/.

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Thị Thúy**

## Phụ lục

**PHÂN BỐ KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ CHẾ ĐỘ CHO HỌC SINH**

(Kèm theo Quyết định số 765/QĐ-PGDĐT ngày 12/5/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

(Đơn vị tính: đồng)

| TT        | Trường                       | Mã số quan hệ<br>ngân sách | Chương | Mã ngành<br>kinh tế | Mã nguồn<br>kinh phí | Kinh phí phân<br>bố  |
|-----------|------------------------------|----------------------------|--------|---------------------|----------------------|----------------------|
| 1         | 2                            | 3                          | 4      | 5                   | 6                    | 7                    |
|           | <b>TỔNG CỘNG</b>             |                            |        |                     |                      | <b>1.083.480.000</b> |
| <b>I</b>  | <b>Khối mầm non</b>          |                            |        |                     |                      | <b>244.510.000</b>   |
| 1         | Trường Mầm non Cộng Hòa      | 1105749                    | 622    | 071                 | 12                   | 4.600.000            |
| 2         | Trường Mầm non Hà An         | 1105742                    | 622    | 071                 | 12                   | 9.250.000            |
| 3         | Trường Mầm non Hoàng Tân     | 1105733                    | 622    | 071                 | 12                   | 5.650.000            |
| 4         | Trường Mầm non Minh Thành    | 1105730                    | 622    | 071                 | 12                   | 9.950.000            |
| 5         | Trường Mầm non Liên Vị       | 1105736                    | 622    | 071                 | 12                   | 19.000.000           |
| 6         | Trường Mầm non Phong Cốc     | 1105745                    | 622    | 071                 | 12                   | 3.050.000            |
| 7         | Trường Mầm non Phong Hải     | 1105739                    | 622    | 071                 | 12                   | 24.345.000           |
| 8         | Trường Mầm non Tiên An       | 1105738                    | 622    | 071                 | 12                   | 18.340.000           |
| 9         | Trường Mầm non Yên Giang     | 1105732                    | 622    | 071                 | 12                   | 1.550.000            |
| 10        | Trường Mầm non Đông Mai      | 1105740                    | 622    | 071                 | 12                   | 12.200.000           |
| 11        | Trường Mầm non Cẩm La        | 1105743                    | 622    | 071                 | 12                   | 6.645.000            |
| 12        | Trường Mầm non Hiệp Hòa      | 1105735                    | 622    | 071                 | 12                   | 34.240.000           |
| 13        | Trường Mầm non Liên Hòa      | 1105746                    | 622    | 071                 | 12                   | 25.160.000           |
| 14        | Trường Mầm non Nam Hòa       | 1105741                    | 622    | 071                 | 12                   | 800.000              |
| 15        | Trường Mầm non Sông Khoai    | 1105731                    | 622    | 071                 | 12                   | 17.950.000           |
| 16        | Trường Mầm non Tân An        | 1105737                    | 622    | 071                 | 12                   | 25.840.000           |
| 17        | Trường Mầm non Tiên Phong    | 1105748                    | 622    | 071                 | 12                   | 12.245.000           |
| 18        | Trường Mầm non Yên Hải       | 1105747                    | 622    | 071                 | 12                   | 10.595.000           |
| 19        | Trường Mầm non Hoa Hồng      | 1105734                    | 622    | 071                 | 12                   | 3.100.000            |
| <b>II</b> | <b>Khối tiểu học</b>         |                            |        |                     |                      | <b>347.410.000</b>   |
| 1         | Trường Tiểu học Liên Vị      | 1026583                    | 622    | 072                 | 12                   | 43.830.000           |
| 2         | Trường Tiểu học Hà An        | 1026585                    | 622    | 072                 | 12                   | 14.250.000           |
| 3         | Trường Tiểu học Ngô Quyền    | 1025848                    | 622    | 072                 | 12                   | 8.250.000            |
| 4         | Trường Tiểu học Phong Cốc    | 1025850                    | 622    | 072                 | 12                   | 6.750.000            |
| 5         | Trường Tiểu học Sông Khoai 1 | 1027579                    | 622    | 072                 | 12                   | 24.000.000           |
| 6         | Trường Tiểu học Liên Hòa     | 1026582                    | 622    | 072                 | 12                   | 29.250.000           |
| 7         | Trường Tiểu học Minh Thành   | 1025853                    | 622    | 072                 | 12                   | 18.450.000           |

| TT         | Trường                                  | Mã số quan hệ<br>ngân sách | Chương     | Mã ngành<br>kinh tế | Mã nguồn<br>kinh phí | Kinh phí phân<br>bổ |
|------------|-----------------------------------------|----------------------------|------------|---------------------|----------------------|---------------------|
| 8          | Trường Tiểu học Hiệp Hòa                | 1025852                    | 622        | 072                 | 12                   | 50.170.000          |
| 9          | Trường Tiểu học Nguyễn Bình             | 1025844                    | 622        | 072                 | 12                   | 6.750.000           |
| 10         | Trường Tiểu học Nam Hòa                 | 1026586                    | 622        | 072                 | 12                   | 13.460.000          |
| 11         | Trường Tiểu học Yên Giang               | 1026580                    | 622        | 072                 | 12                   | 1.500.000           |
| 12         | Trường Tiểu học Tiên An                 | 1025847                    | 622        | 072                 | 12                   | 38.020.000          |
| 13         | Trường Tiểu học Tân An                  | 1025845                    | 622        | 072                 | 12                   | 17.960.000          |
| 14         | Trường Tiểu học Đông Mai                | 1026581                    | 622        | 072                 | 12                   | 23.210.000          |
| 15         | Trường Tiểu học Phong Hải               | 1025851                    | 622        | 072                 | 12                   | 29.960.000          |
| 16         | Trường Tiểu học Yên Hải                 | 1026584                    | 622        | 072                 | 12                   | 10.500.000          |
| 17         | Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thuần        | 1026579                    | 622        | 072                 | 12                   | 11.100.000          |
| <b>III</b> | <b>Khối Trung học cơ sở</b>             |                            |            |                     |                      | <b>421.840.000</b>  |
| 1          | Trường THCS Đông Mai                    | 1027586                    | 622        | 073                 | 12                   | 8.250.000           |
| 2          | Trường THCS Trần Hưng Đạo               | 1027582                    | 622        | 073                 | 12                   | 21.000.000          |
| 3          | Trường THCS Phong Cốc                   | 1027585                    | 622        | 073                 | 12                   | 19.500.000          |
| 4          | Trường THCS Tiên An                     | 1025843                    | 622        | 073                 | 12                   | 51.880.000          |
| 5          | Trường THCS Cộng Hòa                    | 1025849                    | 622        | 073                 | 12                   | 23.250.000          |
| 6          | Trường THCS Phong Hải                   | 1025838                    | 622        | 073                 | 12                   | 45.000.000          |
| 7          | Trường THCS Hà An                       | 1027590                    | 622        | 073                 | 12                   | 15.000.000          |
| 8          | Trường THCS Nam Hòa                     | 1027587                    | 622        | 073                 | 12                   | 12.750.000          |
| 9          | Trường THCS Lê Quý Đôn                  | 1027583                    | 622        | 073                 | 12                   | 4.500.000           |
| 10         | Trường THCS Hiệp Hòa                    | 1027584                    | 622        | 073                 | 12                   | 46.710.000          |
| 11         | Trường THCS Sông Khoai                  | 1025841                    | 622        | 073                 | 12                   | 14.500.000          |
| 12         | Trường THCS Minh Thành                  | 1027588                    | 622        | 073                 | 12                   | 29.250.000          |
| 13         | Trường THCS Liên Hòa                    | 1027589                    | 622        | 073                 | 12                   | 40.500.000          |
| 14         | Trường THCS Liên Vị                     | 1025839                    | 622        | 073                 | 12                   | 32.000.000          |
| 15         | Trường THCS Tân An                      | 1027591                    | 622        | 073                 | 12                   | 28.500.000          |
| 16         | Trường THCS Yên Hải                     | 1025842                    | 622        | 073                 | 12                   | 29.250.000          |
| <b>IV</b>  | <b>Khối Tiểu học và Trung học cơ sở</b> |                            |            |                     |                      | <b>69.720.000</b>   |
| 1          | Trường TH&THCS Tiên Phong               |                            |            |                     |                      |                     |
|            | <i>Trường TH Tiên Phong</i>             | <i>1027578</i>             | <i>622</i> | <i>072</i>          | <i>12</i>            | <i>6.750.000</i>    |
|            | <i>Trường THCS Tiên Phong</i>           | <i>1027578</i>             | <i>622</i> | <i>073</i>          | <i>12</i>            | <i>6.500.000</i>    |
| 2          | Trường TH&THCS Cẩm La                   |                            |            |                     |                      |                     |
|            | <i>Trường TH Cẩm La</i>                 | <i>1130336</i>             | <i>622</i> | <i>072</i>          | <i>12</i>            | <i>14.210.000</i>   |
|            | <i>Trường THCS Cẩm La</i>               | <i>1130336</i>             | <i>622</i> | <i>073</i>          | <i>12</i>            | <i>8.250.000</i>    |

| TT | Trường                    | Mã số quan hệ<br>ngân sách | Chương | Mã ngành<br>kinh tế | Mã nguồn<br>kinh phí | Kinh phí phân<br>bổ |
|----|---------------------------|----------------------------|--------|---------------------|----------------------|---------------------|
| 3  | Trường TH&THCS Sông Khoai |                            |        |                     |                      |                     |
|    | Trường TH Sông Khoai      | 1130337                    | 622    | 072                 | 12                   | 18.560.000          |
|    | Trường THCS Sông Khoai    | 1130337                    | 622    | 073                 | 12                   | 2.450.000           |
| 4  | Trường TH&THCS Hoàng Tân  |                            |        |                     |                      |                     |
|    | Trường TH Hoàng Tân       | 1131212                    | 622    | 072                 | 12                   | 6.000.000           |
|    | Trường THCS Hoàng Tân     | 1131212                    | 622    | 073                 | 12                   | 7.000.000           |